TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 550/2019/DS-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy - là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 09 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2019/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2019/QĐST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang B, sinh năm 1953; địa chỉ: Đường K, phường P, quận H, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Trương Đông A; địa chỉ: Đường S, Phường M, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 0089xx ngày xx/x/201x tại Văn phòng công chứng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Thị Ngọc G – Trung tâm tư vấn pháp luật hội luật gia Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Thanh N, sinh năm 1959; địa chỉ: Số x, đường I, Phường O, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông La Quốc D, sinh năm 1977; địa chỉ: Đường Q, Phường J, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1963; địa chỉ: Số x đường I, Phường O, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

3/ Bà Trần Thị Z, sinh năm 1965; địa chỉ: Đường K, phường P, quận H, Thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Hoàng Trương Đông A là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau vào năm 2012. Trong quá trình giao dịch, bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 6.500.000.000đ (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng). Ngày 29/12/2015, hai bên ký biên bản thỏa thuận xác nhận: Hai bên thỏa thuận tính lãi trên số tiền 6.500.000.000đ từ ngày 15/5/2012 đến ngày 29/12/2015 là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng); như vậy bị đơn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 7.200.000.000đ (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng). Sau đó, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) thông qua sự bảo lãnh của Ngân hàng Agribank – chi nhánh Nhà Bè và còn nợ lại số tiền 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng). Ngày 30/12/2015, nguyên đơn, bị đơn và ông La Quốc D ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (đảm bảo nghĩa vụ cho bên thứ 3) tại Văn Phòng Công chứng Đức Huệ. Theo đó, các bên thỏa thuận bị đơn vay nguyên đơn số tiền 2.200.000.000đ, ông D đồng ý sử dụng tài sản thuộc quyền sử dụng của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi, vay, lãi quá hạn và phí) thay cho bị đơn, thời hạn vay 12 tháng (tính từ ngày 30/12/2015 đến 30/12/2016), nếu trong khoản thời gian này, phía bị đơn thanh toán hết số tiền 2.200.000.000đ thì không tính tiền lãi, nếu đến ngày 30/12/2016 mà bị đơn không trả hết khoản nợ trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất 1,1%/tháng, tính từ ngày 30/12/2015. Nếu sau 18 tháng (đến ngày 30/6/2017) mà bị đơn không trả khoản nợ còn thiếu thì không cần ý kiến của ông D, nguyên đơn có quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi vốn và lãi. Hợp đồng thế chấp này đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ, tỉnh Long An chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/6/2019. Trước đây, tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn là 150% x 1,1% (lãi suất trong hạn theo thỏa thuận) tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất quá hạn bằng mức lãi suất cơ bản 9%/năm, cụ thể số tiền nguyên đơn yêu cầu:

- Tiền gốc là 2.200.000.000 đồng.

- Tiền lãi phát sinh tạm tính từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2016 là: 2.200.000.000đ x 12 tháng x 1,1%/tháng = 290.400.000 đồng.

- Tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 01/01/2017 đến 21/11/2019 là: 2.200.000.000đ x 34 tháng 20 ngày x (150% x 1,1%) = 572.000.000 đồng.

Đến hiện nay, tuy đã quá thời gian trả nợ nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ. Mặt khác, do bị đơn và bà Nguyễn Thị Y là vợ chồng nên theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng sẽ có trách nhiệm liên đới với giao dịch do một bên thực hiện và có các nghĩa vụ chung về tài sản phát sinh do vợ hoặc chồng thực hiện nên nguyên đơn yêu cầu ông N và bà Y cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn một lần số tiền gốc và lãi là 3.062.400.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bị đơn và bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của ông D để trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp. Sau khi xử lý tài sản thế chấp, nếu số tiền không đủ để trả cho ông B thì đề nghị Tòa buộc bị đơn và bà Mười tiếp tục thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh cho nguyên đơn.

Bị đơn là ông Phạm Thanh N: Vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông La Quốc D và bà Nguyễn Thị Y: Vắng mặt không lý do.

Theo bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Z trình bày: Bà biết quá trình giao dịch cũng như việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền như đại diện nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là tiền riêng của nguyên đơn, bà không có liên quan gì đến việc tranh chấp này và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử vụ án trên.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông La Quốc D và bà Nguyễn Thị Y: Vắng mặt nên HĐXX không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Z: Có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, tống đạt, thông báo, niêm yết, lấy lời khai, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định tư cách tham gia tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, thực hiện các trình tự thủ tục tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai, phần tranh luận của các đương sự tại phiên tòa ngày hôm nay đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay còn thiếu, do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Theo xác minh của Công an Phường 01, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và theo các hợp đồng, giao dịch có trong hồ sơ vụ án thì bị đơn có địa chỉ thường trú tại Số x đường I, Phường O, quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Tuy bị đơn không thực tế cư ngụ tại địa phương từ năm 2008 và không xác định được địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn nhưng xét trong trường hợp này, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện và việc bị đơn không có mặt là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Do bị đơn có địa chỉ tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Z có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt; phía bị đơn ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông D và bà Y dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về việc đưa người vào tham gia tố tụng*: Theo hồ sơ vụ án, ông La Quốc D là người ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm khoản vay của bị đơn đối với nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Y là vợ của bị đơn và nguyên đơn yêu cầu bà Y cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ vay còn thiếu; bà Z là vợ của nguyên đơn có thể liên quan đến khoản tiền do nguyên đơn cho bị đơn vay. Việc giải quyết vụ án có thể làm phát sinh quyền và nghĩa vụ liên quan của những người này nên cần thiết phải đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do không xác định được vợ của ông La Quốc D nên không đủ căn cứ để xác định người có quan hệ hôn nhân với ông D là ai nên không thể đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Tại thời điểm các bên ký giao dịch dân sự thì Bộ luật Dân sự 2015 chưa có hiệu lực thi hành nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về số tiền gốc: Căn cứ vào Vi bằng do Văn phòng thừa phát lại Quận I lập ngày 03/6/2013; biên bản thỏa thuận ngày 29/12/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (đảm bảo nghĩa vụ cho bên thứ 3) lập tại Văn phòng Công chứng Đức Huệ ngày 30/12/2015 có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng).

[2.2] Về mức lãi suất và khoản thời gian tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn: Tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp trên quy định thời hạn vay, trả và lãi suất như sau: "Bên B (nguyên đơn) cam kết không tính lãi bên C (bị đơn) kể từ ngày 30/12/2015 đến 30/12/2016. Kể từ ngày 30/12/2016, nếu bên C vẫn không thanh toán hết số nợ 2 tỷ 200 triệu cho bên B đúng hạn thì bên C sẽ chịu lãi theo lãi suất ngân hàng 1,1%/tháng bắt đầu từ ngày 30/12/2015 trở về sau". Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005:"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng…" thì mức lãi suất theo quy định sẽ là: 9%/năm (lãi cơ bản) x 150% = 13.5%/năm ~ 1.125%/tháng do đó mức lãi suất trong hạn nguyên đơn yêu cầu là 1,1%/tháng được chấp nhận. Mức lãi suất quá hạn nguyên đơn yêu cầu là 9%/năm là phù hợp theo quy định của khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005.

[2.3] Về trách nhiệm và thời gian trả nợ: Theo xác minh của Công an Phường O, quận T thì bà Nguyễn Thị Y là vợ của bị đơn và hiện bà Y cư trú thực tế tại địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ đối với bà Y về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Y không có ý kiến phản hồi thể hiện bà Y biết được và đồng ý với giao dịch do bị đơn xác lập trong thời kỳ hôn nhân nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà Y cùng có trách nhiệm liên đới với bị đơn trả số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do khoản vay này vi phạm đã lâu, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả và trả không đầy đủ khoản nợ trên, thấy: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (đảm bảo nghĩa vụ cho bên thứ 3) có số công chứng 4084, quyển số 06/2015-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2015 tại Văn

phòng công chứng Đức Huệ, tỉnh Long An đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ – CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 đã phát sinh hiệu lực pháp luật từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm nên căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 56 Nghị định 163/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với số tiền 3.000.000đ nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thấy: Việc xem xét, thẩm định tại chỗ được tiến hành theo yêu cầu của nguyên đơn để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và bà Y phải chịu chi phí này và có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh N và bà Nguyễn Thị Y phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.062.400.000 đồng nên phải chịu án phí là 93.248.000 đồng; nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Quang B .

1.1/ Buộc ông Phạm Thanh N và bà Nguyễn Thị Y cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Quang B số tiền 3.062.400.000đ (Ba tỷ không trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2/ Ngay sau khi ông Phạm Thanh N và bà Nguyễn Thị Y thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên thì nguyên đơn xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho ông La Quốc D bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 283582 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cấp ngày 09/12/2014(cập nhật biến động ngày 30/12/2015) số vào sổ cấp GCN: CH02972.

1.3/ Đến hạn trả nợ, ông Phạm Thanh N và bà Nguyễn Thị Y không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2626, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại địa chỉ: Ấp Hòa Tây, xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất số BU 283582 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cấp ngày 09/12/2014 (cập nhật biến động ngày 30/12/2015) số vào sổ cấp GCN: CH02972.

1.4/ Sau khi xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho nguyên đơn thì ông Phạm Thanh N và bà Nguyễn Thị Y cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán hết toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn thiếu cho nguyên đơn.

1.5/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Quang B đối với số tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Thanh N và bà Nguyễn Thị Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.6/ Ông Phạm Thanh N và bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm liên đới hoàn lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh N và bà Nguyễn Thị Y liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 93.248.000đ (Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.438.000đ (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/000xxxx ngày x/x/201x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo